

Điện Biên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Giám sát tài chính, đánh giá tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2024

- Căn cứ thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ tài chính thông tư hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 9/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ;

- Căn cứ Thông tư 200 /2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

- Căn cứ nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Căn cứ nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài Chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 200/2015/TT-BTC;

- Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 1/9/2016 của UBND Tỉnh Điện Biên, về ban hành quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Doanh Nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Điện Biên quản lý;

- Căn cứ tình hình thực hiện năm 2024. Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên tổng hợp và báo cáo UBND Tỉnh, Sở tài Chính báo cáo đánh giá tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động hoạt động doanh nghiệp với các nội dung sau:

I. Báo cáo đánh giá tình hình tài chính năm 2024

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Trong năm 2024 vốn nhà nước của Công ty được bảo toàn là 1.329 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ quản lý sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế

II. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và đề nghị xếp loại doanh nghiệp năm 2024

1. Đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

a) Tiêu chí 1: Doanh thu

Doanh thu giảm sâu so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân khách quan là do diện tích đất bị thu hồi đô thị hóa. Giá sản phẩm, dịch vụ không tăng mà giá vật liệu, nhiên liệu, tiền lương tăng, bảo hiểm tăng dẫn đến các khoản chi phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cũng tăng.

Vì vậy đánh giá chỉ tiêu Doanh thu, sau khi tính toán và loại trừ yếu tố khách quan trên Công ty vẫn đạt 99,3% so với kế hoạch, do đó Công ty đánh giá và xếp loại Chỉ tiêu này đạt loại A.

b) Tiêu chí 2: Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.

- Về hiệu quả hoạt động doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:

+Tỷ suất lợi nhuận thực hiện (trước thuế)/ vốn chủ sở hữu: $198.776/1.329.419.020=0,0001$ đồng, tức là cứ 01 đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra lợi nhuận trước thuế là: 0,0001 đồng.

+Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu đạt: $164.787/1.329.419.020=0,0001$ đồng, tức là cứ 01 đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra lợi nhuận là: 0,0001 đồng.

+Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản đạt: $164.787/1.331.737.965=0,0001$ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế kế hoạch là: $50.000/1.343.790.571=0,000037$ đồng

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện / Tỷ suất lợi nhuận sau thuế kế hoạch là: $0,0001/0,000037*100=270,27\%$.

c) Đánh giá Tiêu chí 3: Nợ phải trả quá hạn, khả năng thanh toán nợ đến hạn

- Tình hình thực hiện nợ phải thu, nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Đến thời điểm 31/12/2024 doanh nghiệp có phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi, không phát sinh nợ quá hạn. Doanh nghiệp có khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh toán nợ đến hạn là 3,5 lần > 1 lần (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn: 7.435 triệu đồng/2.121 triệu đồng).

d) Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành

Năm 2024, Công ty chấp hành đúng quy định pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp

thu ngắn hạn khác: 1.119 triệu đồng; nợ phải thu khó đòi 129 triệu đồng. Tính đến 31/12/2024 Công ty có phát sinh thêm khoản nợ phải thu khó đòi: 66,061 triệu đồng.

- Tình hình nợ phải trả năm 2024: Tổng số nợ phải trả: 2.149 triệu đồng, trong đó: Nợ ngắn hạn: 2.121 triệu đồng; Nợ dài hạn: 28 triệu đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty không phát sinh khoản nợ phải trả quá hạn. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 161% theo đó các khoản chủ yếu của nợ phải trả là: Phải trả người bán ngắn hạn: 21 triệu; Các khoản thuế phải nộp nhà nước: 103 triệu đồng (do công ty nộp thuế tháng); Phải trả người lao động: 1.335 triệu đồng; người mua trả tiền trước ngắn hạn: 0 đồng

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính:

- Về sản lượng tiêu thụ trong kỳ: Trong năm công ty đề nghị quyết toán 11.009,29ha với sản lượng cụ thể như sau: (Diện tích tưới tiêu kết hợp: 10.124ha; diện tích nuôi trồng thủy sản: 206,76ha; Diện tích khác: 678,38ha)

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND quyết định phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024; giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2024 đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại tỉnh Điện Biên.

- Có các chỉ tiêu tài chính sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch Năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % (năm 2024/KH năm 2024)	Tỷ lệ % (Thực hiện năm 2024/ năm 2023)
Tổng doanh thu(trở)	14.650	14.442	14.342	99,3%	97,89%
Tổng chi phí(trở)	14.218	14.392	14.143	98,27%	99,47%
Lãi(trở)	431	50	198	396%	45,94%

Doanh thu chủ yếu của Công ty là doanh thu hoạt động từ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh thu hoạt động tài chính, thu mặt nước nuôi trồng thủy sản. Tổng doanh thu: 14.342 triệu đồng, đạt 99,3% so với kế hoạch

(Doanh thu kế hoạch : 14.442 triệu đồng). Doanh thu đạt 97,89% so với thực hiện năm 2023.

Chi phí: Tổng chi phí năm 2024 là: 14.143 triệu, giảm tương ứng với tỷ lệ giảm doanh thu (98,27% so với kế hoạch năm 2024 và bằng 99,47% so với thực hiện năm 2023).

Lợi nhuận đạt 198 triệu đồng, tăng tương ứng theo các năm, lợi nhuận bằng 45,94% so với thực hiện năm 2023; 396% so với kế hoạch giao.

- Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện (trước thuế)/ vốn chủ sở hữu: $198.776/1.329.419.020=0,0001$ đồng, tức là cứ 01 đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra lợi nhuận trước thuế là: 0,0001 đồng.

+Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu đạt: $164.787/1.329.419.020=0,0001$ đồng, tức là cứ 01 đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra lợi nhuận là: 0,0001 đồng (Công ty hoạt động công ích cho nên được miễn thuế; Căn cứ Khoản 2, điều 8 TT78/2014 ngày 18/6/2014: Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp gồm: thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng; dịch vụ phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng, vật nuôi; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp).

+Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản đạt: $164.787/1.331.737.965=0,0001$ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế kế hoạch là: $50.000/1.343.790.571=0,000037$ đồng

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện / Tỷ suất lợi nhuận sau thuế kế hoạch là: $0,0001/0,000037*100=270,27\%$.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích: diện tích năm 2024 tăng: 11.009,29ha so với kế hoạch năm 2024 đạt 100% (Diện tích KH năm 2024: 11.005,36ha) Tương ứng với sản lượng là Doanh thu tương ứng: 13.681 triệu đồng và chi phí thủy lợi phí 14.143 triệu đồng;

- Tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty: Trong năm 2024, ngoài nguồn tiền từ ngân sách cấp hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích 13.681 triệu đồng Công ty còn có nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh từ nguồn cung cấp nước nuôi trồng thủy sản của các hồ: 641,913 triệu đồng và doanh thu từ hoạt động tài chính: 18 triệu

đồng; Tương ứng với chi phí từ nguồn dịch vụ công ích 14.143 triệu đồng của Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên được cân đối để đảm bảo nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và việc trích lập các khoản dự phòng theo quy định của nhà nước; Thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của Công ty.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

Công ty thực hiện nộp ngân sách đúng, đủ, kịp thời, không có những hành vi thực hiện sai, bỏ sót, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc không thực hiện.

Số phát sinh phải nộp ngân sách là: 137 triệu đồng, số đã nộp là: 196 triệu đồng. Số nộp thừa chuyển sang năm sau là: 34 triệu.

Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ đúng quy định hiện hành tại điểm c, d điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 Doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi (1T=677.941 nghìn đồng; 3T= 2.033 triệu đồng); Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên Doanh nghiệp xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên (1T lương BDH, KSV = 93,2 triệu; 1,5 tháng lương = 139,8 triệu đồng)

Vì kinh phí có hạn cho nên Công ty kính trình Sở tài chính xem xét phân bổ lại theo quy định hiện hành để Công ty trích lập và sử dụng quỹ đúng quy định.

5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật:

Công ty luôn tuân thủ và chấp hành các quy định bao gồm các lĩnh vực đầu tư, sửa chữa các công trình nhỏ lẻ, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo tài chính của doanh nghiệp.

Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các kiến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập, của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở tài chính, Cục thuế tỉnh và của kiểm soát viên kiêm nhiệm.

Tổng hợp các tiêu chí và đối chiếu với quy định hiện hành Công ty thấy đủ điều kiện xếp loại A.

7 Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp: không phát sinh.

(Có các biểu Biểu số 02.A, biểu số 02.C, biểu số 02.D(A), biểu 02.D(B) kèm theo)

toán theo quy định của pháp luật. Công ty hoạt động có lãi, không có số lỗ lũy kế. Vốn chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2024 là: 1.329 tỷ đồng

- Tổng tài sản là: 1.332 tỷ đồng; trong đó tài sản ngắn hạn 7,436 tỷ đồng, phản ánh tỷ lệ của TSNH/tổng TS chiếm 0,55%, tài sản dài hạn 1.324 tỷ đồng phản ánh tỷ lệ của TSDH/tổng TS chiếm 99,4 %.

- Lợi nhuận sau thuế: 164 triệu đồng, đạt 328% so với kế hoạch năm 2024 (Lợi nhuận sau kế hoạch năm 2024 là: 50 triệu đồng)

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE):
 $0,012\% (164/1.329.419 \times 100)$

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): $0,012\% (164/1.331.737 \times 100)$

- Hệ số bảo toàn vốn = 1 lần (Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm cuối kỳ/Vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty).

Như vậy, năm 2024 Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên có hệ số bảo toàn vốn là 1, vốn chủ sở hữu không tăng, giảm so với vốn chủ sở hữu đầu tư. Mặt khác công ty chưa trích lập các khoản dự phòng. Kết quả kinh doanh của Công ty có lãi như vậy Công ty bảo toàn vốn nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

- Tình hình đầu tư dự án: 0 dự án hình thành tài sản cố định.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Trong năm Công ty không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

- Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Trong năm Công ty không thực hiện huy động vốn từ các tổ chức và cá nhân nào.

- Tình hình quản lý tài sản: Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản, trích khấu hao tài sản cố định đảm bảo theo quy định.

- Việc quản lý nợ Công ty thực hiện theo quy chế quản lý nợ đã được Công ty xây dựng tại Quyết định số 199/QĐ-CTTN ngày 08/10/2014 của Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên về việc ban hành quy chế quản lý nợ.

- Tình hình nợ phải thu năm 2024: Tổng số nợ phải thu: 1.706 triệu đồng trong đó nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng: 458 triệu đồng các khoản phải

ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

Công ty không bị UBND tỉnh/sở Tài chính nhắc nhở về việc nộp báo cáo để thực hiện giám sát tài chính, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính không đúng quy định, không đúng thời hạn.

e) Tiêu chí 5: Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích

Diện tích năm 2024 tăng: 11.009,29ha so với kế hoạch đạt 100,04% so với kế hoạch (Diện tích kế hoạch: 11.005,36ha) nguyên nhân do một số diện do nhà nước thu hồi để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đây là dịch vụ công ích, ký hợp đồng bao nhiêu sẽ đảm bảo diện tích tưới bấy nhiêu. Cho nên loại hình dịch vụ này đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

Trên đây là báo cáo giám sát tài chính, đánh giá tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2024 của Công ty TNHH Quản lý Điện Biên kính trình Sở tài chính xem xét việc giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và xếp loại doanh nghiệp theo quy định./.

Nơi nhận

- UBND tỉnh (để b/c)
- Sở Tài chính;
- Kiểm soát viên;
- Lưu;



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Văn Chi

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)	
					Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	1		2		3	4	5=4/1	6=4/2
								7=4/3
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu(ha)	11.154,41		11.053,76		11.005,36	11.009,29	98,70	99,60
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu								
3. Tồn kho cuối kỳ								
B. Chỉ tiêu tài chính								
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.446,00		14.236,64		14.142,00	14.323,66	99,15	100,61
2. Giá vốn hàng bán	10.816,00		10.552,26		10.552,26	10.916,32	100,93	103,45
3. LN góp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.630,00		3.684,38		3.589,74	3.407,34	93,87	92,48
4. Doanh thu hoạt động tài chính	368,00		410,16		300,00	18,36	4,99	4,48
5. Chi phí tài chính								
6. Chi phí bán hàng								
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.578,00		3.636,71		3.839,74	3.226,93	90,19	88,73
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	420,00		457,83		50,00	198,78	47,33	43,42
9. Thu nhập khác			3,78					
10. Chi phí khác	0,36		30,00			0,26		
11. Lợi nhuận khác	- 0,36		26,22		-	0,26		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	419,6		431,6		50,00	198,51	47,31	45,99
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	81,0		98,3		10,00	33,73		
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại								
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	338,6		333,3		40,00	164,79	48,66	49,44
								411,99

Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Thị Nhung



[Signature]
Lê Văn Lành

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH(%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước(%)
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	11.005,36	11.009,29	100,04	99,60
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	(tấn,kg...)	(tấn,kg...)		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu				
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	14.392tr đ	14.143trđ	98,27	99,68
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	14.442tr đ	14.342tr đ	100,70	97,92

Người lập biểu


Nguyễn Thị Nhung

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Chi

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị tính: Tr.Đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
I. Thuế	93,129	113,293	172,136	34,286
- Thuế GTGT	42,294	50,093	95,165	-2,778
- Thuế TNDN	98,321	33,726	28,71	103,337
- Thuế thu nhập cá nhân	-47,486	19,415	38,202	-66,273
- Thuế đất		7,059	7,059	
- Các khoản thuế khác		3	3	
2. Các khoản phải nộp khác		18,226	18,264	-0,038
- Phí, Lệ phí		18,226	18,264	-0,038
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp ngân sách Nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển DN) phần LN sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DN theo quy định.				

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhung

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Chi

Tên DN
Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên

Biểu số 02.Đ (A)

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2024

STT	Chỉ Tiêu	Dư đầu năm	Khi phân phối		Dư cuối năm
			Số tăng	Số giảm	
1	Quỹ đầu tư phát triển	119			119
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi		71,5	71,5	
3	Quỹ thưởng VCQLDN				
4	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
5	các cổ đông				

Đơn vị tính: Tr.Đồng

Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Thị Nhung

GIÁM ĐỐC



[Signature]

Lê Văn Chi

ĐĂNG KÝ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2024

Đơn vị tính: Tr.Đồng

Chỉ tiêu 1 doanh thu và thu nhập khác (Tr.Đ)	Chỉ Tiêu 2			Chỉ tiêu 3			Chỉ tiêu 4 xếp loại	Chỉ tiêu 5 xếp loại	Xếp loại DN
	Lợi nhuận (Tr.Đồng)	Vốn chủ sở hữu bình quân (Tr.Đồng)	Tỷ suất lợi nhuận/vốn (%)	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Xếp loại			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14.342,02	164,79	1.329.419	0,01239549			A	A	A	A

Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Thị Nhung



Lê Văn Sơn

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2024

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên	0,01	0,01	100,00	Xếp loại A		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Ghi chú: Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ:

Thực hiện tốt theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. (Công ty hoạt động công ích không vì mục tiêu lợi nhuận. Trong công tác sửa chữa, nâng cấp, công tác quản lý, khai thác, bảo vệ, công tác PCLB, giảm nhẹ tiên tại các công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dân sinh kinh tế cho Thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên Đông, cung cấp nước bổ sung cho các nhà máy thủy điện luôn đảm bảo kịp thời, điều phối nước phù hợp).

Người lập biểu

(Ký) 

Nguyễn Thị Nhung

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, đóng dấu)



Lê Văn Lợi

CHI TIẾT CÁC KHOẢN MỤC DOANH THU CHI PHÍ

STT	NỘI DUNG	Số người	Năm 2023	năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Đơn vị tính: Đồng				Ghi chú
						Biến động so với tỷ lệ %				
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
1	2		3	4	5	6=5/3	7=5/4	8		
I	Doanh thu (1+2+3+.....)		14.650.583.215	14.342.025.266	14.520.310.000	99	101	100		
1	Doanh thu bán hàng và CCDV		14.236.642.110	14.323.663.371	14.460.310.000	102	101	100		
2	DT hoạt động tài chính		410.161.105	18.361.895	60.000.000	15	327	100		
	Thu khác		3.780.000		-	-		100		
II	Giá vốn hàng bán = (1-4)		10.552.262.445	10.916.323.172	10.992.548.884	104	101	100		
1	Chi phí nguyên nhiên vật liệu TK 621 (1.1+1.2+.....)		49.055.365	54.774.288	70.000.000					
1.1	Nguyên, nhiên vật liệu		49.055.365	54.774.288	70.000.000					
1.1.1	Xăng dầu bảng dưỡng CT		49.055.365	54.774.288						
1.1.2	...									
1.1.3										
2	Chi phí khác		26.371.858	-	-					
2.1	Tiền lương									
2.2	Phép									
2.3	Ăn ca									
2.4	BHXH									
2.5	BHYT									
2.6	KPCĐ									
2.7	BHLĐ									
2.8	Khác...									
3	Chi phí nhân công trực tiếp TK 622 (3.1+3.2+.....)		9.259.834.548	9.190.910.748	9.190.910.748	99	100	100		
3.1	Tiền lương		6.386.238.332	6.636.541.253	6.636.541.253	104	100	100		
3.2	Ăn ca		950.040.000	927.500.000	927.500.000	98	100	100		
3.3	BHXH, BHYT		1.428.791.351	1.359.288.134	1.359.288.134	95	100	100		
3.5	KPCĐ		132.910.827	126.447.361	126.447.361	95	100	100		
3.6	Nguyên, nhiên vật liệu				-					
3.7	BHLĐ		116.000.000	111.000.000	111.000.000	96	100	100		
3.8	Phép		25.279.000	30.134.000	30.134.000					
3.9	Khác...		220.575.039		-					
4	Chi phí chung TK 627		329.218.501	476.798.661	476.798.661	145	100	100		

